

Tên Công ty: _____ (“Công Ty”)
Company’s name: _____ (the “Company”)

Tên tài khoản (chỉ áp dụng khi tổ chức sử dụng tài khoản là Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé/Văn phòng điều hành): _____

Account’s name (only applicable if the account’s user is a Branch/Representative office/Ticket office/Operating office): _____

Mã số khách hàng: _____ (chỉ áp dụng đối với khách hàng hiện hữu)
Customer’s No. _____ (applicable for existing customer only)

Địa chỉ đăng ký: _____
Registered Address: _____

Kính gửi: **Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“Ngân Hàng”)**
To: **HSBC Bank (Vietnam) Ltd. (the “Bank”)**

ỦY NHIỆM SỬ DỤNG VÀ ĐIỀU HÀNH TÀI KHOẢN VÀ CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG (“ỦY NHIỆM”)
MANDATE OF ACCOUNT OPERATION AND BANKING SERVICES (the “MANDATE”)

Ủy Nhiệm này điều chỉnh mối quan hệ giữa Ngân Hàng và Công Ty trong phạm vi Công Ty sử dụng các tài khoản, các tiện ích và dịch vụ ngân hàng do Ngân Hàng cung cấp.
This Mandate governs relationship between the Bank and the Company to the extent of its using accounts, banking facilities and services provided by the Bank.

Ủy Nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày _____ cho đến ngày _____. Khi hết thời hạn này, Ủy Nhiệm sẽ được tự động gia hạn thêm nhiều lần và mỗi lần là 01 (một) năm trừ khi và cho đến khi có văn bản thông báo khác đi từ Công Ty.
This Mandate shall be effective from _____ to _____. Upon its expiry, the Mandate shall be automatically extended for multiple times and each extension shall be of 01 (one) year unless and until the Company notifies to the otherwise in writing.

Lưu ý: Ủy Nhiệm này phải được điền đầy đủ thông tin và không để trống. Đề nghị gạch bỏ hoặc điền “n/a” những mục không áp dụng.
NB: This form must be filled in completely and no entry should be left blank. Please strike out or input with “n/a” whichever is not applicable.

PHẦN A - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG / PART A - GENERAL TERMS

1. Chủ Tài Khoản / Account Holder

Công Ty là Chủ Tài Khoản và có các quyền và trách nhiệm của chủ tài khoản theo quy định của luật áp dụng tùy từng thời điểm.
The Company is the Account Holder and has rights and responsibilities as provided for by the applicable laws from time to time.

2. Nội Dung Ủy Nhiệm / Contents of Mandate

Bằng văn bản này, Công Ty yêu cầu Ngân Hàng nhận, chấp nhận và thực hiện theo các chỉ thị được ký hợp lệ và cung cấp cho Ngân Hàng bởi những người được ủy quyền dưới đây (“**Người Được Ủy Quyền**”) về các vấn đề sau:
*The Company hereby directs the Bank to receive, agree and reply upon all instructions as duly signed and submitted to the Bank by the below authorized signatory(ies) (the “**Authorised Signatory**”) in terms of the following:*

2.1 Tài Khoản / Account

(a) Người Được Ủy Quyền / *Authorised Signatory*

- Bộ tài liệu địa phương¹ áp dụng / *Local documents applicable*

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần B, Mục 2.1 được quyền cung cấp cho Ngân Hàng bất cứ chỉ thị, dữ liệu, thông tin nào liên quan đến việc đóng (bao gồm chuyển số dư sau khi đóng), mở và phong tỏa các Tài Khoản; yêu cầu Ngân Hàng thay đổi thông tin về các Tài Khoản; yêu cầu Ngân Hàng cung cấp thông tin, xác nhận thông tin liên quan đến các tài khoản và các giao dịch giữa Công Ty và Ngân Hàng.

Authorised Signatory appointed in Part B, Item 2.1 shall be authorised to provide the Bank with any instructions, data, information in relation to closing (including transfer of remaining amount after closing), opening, blocking Account; to notify the Bank any changes of account information; to request the Bank to provide and confirm information in relation to Accounts and transactions between the Company and the Bank.

- Bộ tài liệu toàn cầu ("**GDocs**")² áp dụng / *Global Documents ("**GDocs**") applicable*

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần B, Mục 2.1 được quyền ký kết Hồ Sơ Dịch Vụ (như được định nghĩa tại GDocs), kể cả các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có); cung cấp cho Ngân Hàng bất cứ chỉ thị, dữ liệu, thông tin nào liên quan đến việc đóng (bao gồm chuyển số dư sau khi đóng), mở và phong tỏa các Tài Khoản; yêu cầu Ngân Hàng thay đổi thông tin về các Tài Khoản; yêu cầu Ngân Hàng cung cấp thông tin, xác nhận thông tin liên quan đến các tài khoản và các giao dịch giữa Các Công Ty và Ngân Hàng.

Authorised Signatory appointed in Part B, Item 2.1 shall be authorised to sign Relationship Documents (as defined in Relationship Acceptance Form of GDocs), including its amendments, supplements or replacement (if any); to provide the Bank with any instructions, data, information in relation to closing (including transfer of remaining amount after closing), opening, blocking Account; to notify the Bank any changes of account information; to request the Bank to provide and confirm information in relation to Accounts and transactions between the Companies and the Bank.

- (b) Chỉ thị ký / *Signing instruction:*

2.2 Thanh Toán Qua Tài Khoản / *Payment Via Accounts*

- (a) Người Được Ủy Quyền / *Authorised Signatory***

- Áp dụng đối với tổ chức thành lập ở Việt Nam mà pháp luật bắt buộc bố trí Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán**

Applicable to Vietnam incorporated organization which is required by laws to arrange a Chief Accountant/ Person In Charge of Accounting

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần B, Mục 2.2 **VÀ** Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán (hoặc Người Được Ủy Quyền của Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán nêu tại Phần B, Mục 2.2)

¹ Bộ tài liệu địa phương là bộ tài liệu được thiết kế bởi Ngân Hàng ở Việt Nam dùng để áp dụng chung cho việc thiết lập quan hệ ngân hàng bao gồm mở tài khoản và cung cấp các dịch vụ ngân hàng giữa Công Ty và Ngân Hàng.
Local documents is a package developed by the Bank locally to apply uniformly in entering banking relationship including account opening and provision of banking services between the Company and the Bank.

² GDocs là bộ tài liệu được thiết kế bởi Tập Đoàn HSBC (không phải bởi Ngân Hàng ở Việt Nam) dùng để áp dụng chung cho việc thiết lập quan hệ ngân hàng bao gồm mở tài khoản và cung cấp các dịch vụ ngân hàng giữa (nhóm) công ty của khách hàng và (các) thành viên trong Tập Đoàn HSBC. Công Ty vui lòng liên hệ Giám đốc quan hệ khách hàng của Ngân Hàng phụ trách Công Ty để kiểm tra nếu không rõ GDocs có áp dụng trong trường hợp của Công Ty hay không.
GDocs is a package developed by HSBC Group (not the Bank locally) to apply uniformly in entering banking relationship including account opening and provision of banking services between customer's (group of) companies and member(s) of HSBC Group. Please the Company check with the Relationship Manager in charge at the Bank to know if whether or not the GDocs applies to the Company.

Authorised Signatory appointed in Part B, Item 2.2 **AND** Chief Accountant/ Person In Charge of Accounting (or Authorised Signatory of Chief Accountant/ Person In Charge of Accounting described in Part B, Item 2.2)

- Áp dụng đối với tổ chức nước ngoài HOẶC tổ chức thành lập ở Việt Nam mà pháp luật KHÔNG bắt buộc bố trí Kế Toán Trưởng / Người Phụ Trách Kế Toán
Applicable to overseas organization OR Vietnam incorporated organization which is NOT required by laws to arrange a Chief Accountant / Person In Charge of Accounting

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần B, Mục 2.2
Authorised Signatory appointed in Part B, Item 2.2

được quyền cung cấp cho Ngân Hàng bất cứ chỉ thị, dữ liệu, thông tin nào liên quan đến việc chuyển tiền, tiền gửi có kỳ hạn thông qua các Tài Khoản; thay mặt Công Ty ký, ký phát và cung cấp bất cứ công cụ thanh toán nào (bao gồm, nhưng không giới hạn, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc, tiền mặt, chứng chỉ tiền gửi, hoặc các phương tiện thanh toán khác, công cụ chuyển nhượng, lệnh thanh toán hoặc các giấy tờ có giá khác),

shall be authorised to provide the Bank with any instructions, data, information in relation to transfer funds, Term Deposits via Accounts; to sign, draw and provide on behalf of the Company with any instrument (including, but not limited to, any bill of exchange, promissory note, cheque, cash, certificate of deposit, or other payment instruments, negotiable instrument, payment order or other valuable items).

(b) Chỉ thị ký / Signing instruction³

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần A, Mục 2.2(a), sẽ tuân thủ các giới hạn về chỉ thị ký như bản bên dưới.

Authorised Signatory mentioned in Part A, Item 2.2(a), shall comply with the limitation on signing instruction as in the below table.

| Hạn mức giao dịch Transactional amount | Chỉ thị ký Signing instruction |
|-------------------------------------------|-----------------------------------|
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |
| | |

2.3 Hợp Đồng & Văn Bản Khác/ Agreements & Other Documents

(a) Người Được Ủy Quyền / Authorised Signatories

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần B, Mục 2.3, được quyền thay mặt Công Ty thương lượng, ký kết, và đưa ra bất kỳ chỉ thị nào để thực hiện bất kỳ hợp đồng và văn bản nào khác bao gồm, nhưng không giới hạn, (i) thỏa thuận chung về tiện ích, hợp đồng tín dụng, thông báo rút vốn, hợp đồng bảo đảm và các tài liệu khác có liên quan, (ii) hợp đồng, văn bản liên quan đến giao dịch ngoại hối, dịch vụ thanh toán quốc tế & tài trợ thương mại, dịch vụ chứng khoán, dịch vụ quản lý thanh khoản và tiền tệ, các kênh ngân hàng điện tử ("E-channels") (bao gồm Thư Ủy Quyền về Kênh Điện Tử), (iii) thư bảo đảm bồi hoàn, thư cam kết, (ngoại trừ các hợp đồng tín

³ Trường hợp nhiều chỉ thị ký cùng áp dụng đối với một vấn đề thì chỉ thị ký nghiêm ngặt hơn sẽ áp dụng / In case of various signing instructions applicable to a matter, the more restricted signing instruction shall apply.

dụng trung/dài hạn, hợp đồng cho dịch vụ các giải pháp quản lý thanh khoản, và các hợp đồng, văn bản khác mà theo chính sách chung của Ngân Hàng là phải được phê duyệt bởi những người có thẩm quyền khác của Công Ty).

Authorised Signatory mentioned in Part B, Item 2.3, shall be authorised to negotiate, sign, and give any instructions to implement on behalf of the Company any agreements and other documents including, but not limited to, (i) general facility agreement, credit agreements, drawdown notices, security agreements and other related documents, (ii) agreements or documents relating to foreign exchange transactions, global trades & receivables finance services, securities services, liquidity and cash management services, electronic banking systems (“E-channels”) related services (including the E-channels Letter of Authority), (iii) indemnity letters, undertaking letters, (except for medium/long term facility agreements, agreements for liquidity management solutions, and other agreements, documents that are required by the Bank’s policy to be approved by other authority of the Company).

(b) Chỉ thị ký / Signing instruction

Người Được Ủy Quyền nêu tại Phần A, Mục 2.3(a), sẽ tuân thủ các giới hạn về chỉ thị ký như bản bên dưới (đề nghị quy định cho cả trường hợp văn bản KHÔNG có hạn mức giao dịch).

Authorised Signatory mentioned in Part A, Item 2.3(a), shall comply with the limitation on signing instruction as in the below table (please also provide for cases of documents without amount limit).

| Văn bản có hạn mức giao dịch <i>Documents with amount limit</i> | Chỉ thị ký <i>Signing instruction</i> |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. | |
| 2. | |
| 3. | |
| 4. | |
| 5. | |
| 6. | |
| 7. | |
| 8. | |
| Văn bản không có hạn mức giao dịch <i>Documents without amount limit</i> | |

2.4 Ủy Quyền Lại/ Re-delegation

Người Được Ủy Quyền nêu tại bản bên dưới được phép được ủy quyền lại cho bất cứ bên thứ ba nào nhằm thực hiện các công việc quy định tại Phần A này một cách tương ứng.

Authorised Signatory designated in the below table shall be authorised to re-delegate to any third party to conduct the tasks provided in this Part A respectively.

| Mục <i>Item</i> | Người được ủy quyền/ Nhóm chữ ký <i>Authorised Signatory / Signing Group</i> | Ghi chú (nếu có) <i>Note (if any)</i> |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 2.1 | | |
| 2.2 | | |
| 2.3 | | |

3. Cam kết của Công Ty / *Undertakings of the Company*

3.1 Công Ty đồng ý chịu các rủi ro về các chỉ thị được ban hành không đúng thẩm quyền kể cả các chỉ thị từ bất kỳ Người Được Ủy Quyền, nhân viên, giám đốc, đại diện của Công Ty hoặc một bên bất kỳ mà bên này thể hiện mình là Người Được Ủy Quyền, nhân viên, giám đốc, đại diện của Công Ty.

The Company will bear the risk for all unauthorised instructions, including instructions from any Authorised Signatory, employee, director, representative of the Company or any person who purports to be one of the foregoing.

3.2 Công Ty cam kết rằng Ủy Nhiệm này được ký kết và cung cấp cho Ngân Hàng phù hợp với các văn bản thành lập và hoạt động của Công Ty, cũng như phù hợp với bất kỳ yêu cầu nội bộ có liên quan nào (nếu có) trong nội bộ Công Ty.

The Company commits that the Mandate is executed and provided to the Bank in accordance with its constitutional documents as well as any relevant internal requirements (if any) within the Company.

3.3 Trong trường hợp Công Ty thuộc loại hình tổ chức mà pháp luật Việt Nam bắt buộc phải bố trí Kế Toán Trưởng nhưng Người Được Ủy Quyền tại Mục 2.2 của Ủy Nhiệm này là Người Phụ Trách Kế Toán (hoặc người được ủy quyền của Người Phụ Trách Kế Toán) thì Công Ty xác nhận rằng thời hạn bổ nhiệm tối đa của Người Phụ Trách Kế Toán (hoặc người được ủy quyền của Người Phụ Trách Kế Toán) là 12 tháng kể từ ngày Công Ty được thành lập hoặc từ ngày bổ nhiệm Người Phụ Trách Kế Toán (đối với trường hợp Công Ty đã từng bổ nhiệm Kế Toán Trưởng và vị trí này hiện đang bị khuyết) (hoặc thời hạn tối đa khác theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm). Khi kết thúc thời hạn này, Công Ty đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền từ chối thực hiện các Chỉ Thị được ký bởi Người Phụ Trách Kế Toán (hoặc người được ủy quyền của Người Phụ Trách Kế Toán). Công Ty cam kết sẽ cập nhật thông tin về Người Được Ủy Quyền là Kế Toán Trưởng (hoặc người được ủy quyền của Kế Toán Trưởng) cho Ngân Hàng ngay sau khi bổ nhiệm Kế Toán Trưởng theo quy định của pháp luật.

In case the Company is an organisation that is required by Vietnamese laws to arrange a Chief Accountant but the Lawful Representative(s) in Item 2.2 hereof is a Person In Charge Of Accounting (or proxy appointed by Person In Charge Of Accounting), the Company acknowledges that the maximum appointment tenor of the Person In Charge Of Accounting (or proxy appointed by Person In Charge Of Accounting) is 12 months from the date the Company is established or the Person In Charge Of Accounting is appointed (in case the Company has appointed the Chief Accountant and this position is currently vacant) (or other maximum tenor stipulated by laws from time to time). Upon the expiry date of such appointment, the Company agrees that the Bank shall have the right to refuse to process Instructions executed by the Person In Charge Of Accounting (or proxy appointed by Person In Charge Of Accounting). The Company undertakes to update information of Authorised Signatory being a Chief Accountant (or proxy appointed by Chief Accountant) to the Bank immediately upon appointment of Chief Accountant in accordance with laws.

3.4 Trong trường hợp Công Ty thuộc loại hình tổ chức mà pháp luật Việt Nam bắt buộc phải bố trí Kế Toán Trưởng / Người Phụ Trách Kế Toán, Công Ty cam kết rằng mỗi khi sử dụng dịch vụ các kênh ngân hàng điện tử E-Channels để thanh toán, mọi giao dịch thanh toán qua E-Channels sẽ luôn luôn được thực hiện bởi (i) Chủ Tài Khoản (hoặc người được Ủy Quyền của Chủ Tài Khoản) VÀ (ii) Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán (hoặc Người Được Ủy Quyền của Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán) ("**Quản Trị Kép**").

*In case the Company is an organisation that is required by Vietnamese law to appoint a Chief Accountant / Person In Charge Of Accounting, the Company undertakes that whenever it uses E-Channels banking services to effect payment transactions, all such payment transactions via the E-channels shall always be performed by (i) Account Holder (or its proxy) **AND** (ii) Chief Accountant/ Person In Charge Of Accounting (or his/her proxy) (the "**Dual Control**").*

Công Ty cam kết thêm rằng nếu có bất kỳ Chủ Hồ Sơ nào (không phải là Công Ty) được Công Ty trao quyền truy cập và điều hành tài khoản của Công Ty trên E-Channels, Công Ty sẽ thông báo cho Chủ Hồ Sơ đó về yêu cầu Quản Trị Kép và đảm bảo yêu cầu Quản Trị Kép vẫn được tuân thủ.

The Company further undertakes that if there is any Profile Owner (other than the Company) to whom the Company gives authorization to access and operate its accounts via E-Channels, the Company shall inform such Profile Owner of the Dual Control requirement and ensure the Dual Control requirement will still be complied with.

3.5 Bằng việc ký Ủy Nhiệm này, Đại Diện Theo Pháp Luật hoặc Người Được Ủy Quyền của Công Ty xác nhận rằng (các) mẫu chữ ký đăng ký với Ngân Hàng tại Mục B của Ủy Nhiệm này là đúng và xác thực.

By signing this Mandate, Legal Representative(s) or Authorized Representative(s) of the Company confirms that the specimen signature(s) registered with the Bank at Part B hereof is genuine.

4 Các quy định khác / Other provisions

4.1 Công Ty hiểu và công nhận rằng:

The Company understands and acknowledges that:

(a) Đối với công ty thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam, Người Đại Diện Theo Pháp Luật được quyền ký các chỉ thị liên quan đến các Tài Khoản và các giao dịch giữa Công Ty và Ngân Hàng với tư cách là Người Đại Diện Theo Pháp Luật theo quy định pháp luật và điều lệ của Công Ty và không phụ thuộc vào Ủy Nhiệm này.

For companies incorporated under the Vietnamese law on enterprises, the Legal Representative(s) is entitled to sign any instructions relating to Accounts and transactions between the Company and the Bank in his/her own capacity as the Legal Representative in accordance with applicable laws and the Company's charter and without subject to this Mandate.

(b) Đối với các tổ chức thành lập theo luật nước ngoài, quy định tại Mục 4.1 (a) nêu trên sẽ không áp dụng. Các chỉ thị liên quan đến các Tài Khoản và các giao dịch giữa Công Ty và Ngân Hàng sẽ tuân thủ nghiêm ngặt Ủy nhiệm này.

For organisations incorporated under foreign laws, provision at Item 4.1(a) as above will not be applicable. Any instructions relating to Accounts and transactions between the Company will be strictly followed this Mandate.

4.2 Ngân Hàng được căn cứ vào danh sách Người Được Ủy Quyền được quy định tại Ủy Nhiệm này (mà không phải chịu trách nhiệm bất kì đối với bất cứ khiếu nại, mất mát hay thiệt hại nào, kể cả trong trường hợp các mất mát, thiệt hại này gây ra do Công Ty không thông báo kịp thời cho Ngân Hàng biết về sự thay đổi Người Được Ủy Quyền) cho đến khi nhận được văn bản khác thay thế hoặc một thông báo cập nhật thông tin hợp lệ. Ngân Hàng được quyền chấp nhận, thực hiện, dựa trên và xem mọi Chỉ Thị, hợp đồng, tài liệu được cung cấp, ký kết và thực hiện bởi Người Được Ủy Quyền là hợp lệ, đúng thẩm quyền và ràng buộc Công Ty về mọi phương diện.

The Bank shall be entitled to rely upon the List of Authorised Signatories as set out in this Mandate (without having to be responsible for any claim, loss or damage whatsoever, including the case where such loss and damage might be arisen out of the failure to timely inform the Bank of any change of any Authorised Signatory by the Company) until a further mandate or a proper update notice has been received by the Bank. The Bank is authorised to accept, act and rely upon and treat all Instructions, agreements, documents which are provided, executed and conducted by the Authorised Signatories as valid, duly authorised and binding upon the Company in all respects.

4.3 Nếu Ngân Hàng cần xác thực chữ ký hoặc tính hiệu lực của bất cứ Chỉ Thị nào và không thể thực hiện được việc này đáp ứng yêu cầu của mình thì Ngân Hàng có thể trì hoãn việc thực hiện Chỉ Thị và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào phát sinh từ việc trì hoãn này.

If the Bank seeks to verify signatures or the validity of any Instructions and is unable to do so to its satisfaction, the Bank may delay acting upon the Instructions and shall not be liable for any losses suffered as a result of such delay.

4.4 Ủy Nhiệm này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến việc Ủy Nhiệm này sẽ được đệ trình đến tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết.

This Mandate shall be governed by Vietnamese laws. Any dispute arising hereof shall be referred to a competent court in Vietnam for settlement.

PHẦN B - DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PART B - LIST OF AUTHORISED SIGNATORIES

Phần B này quy định danh sách Người Được Ủy Quyền và chữ ký mẫu áp dụng trên mọi chứng từ của Công Ty liên quan đến các tài khoản, các tiện ích và dịch vụ ngân hàng.
This Part B provides list of Authorised Signatory and specimen applicable to all documentation of the Company relating to accounts, banking facilities and services.

| Người Được Ủy Quyền <i>Authorised Signatory</i> | Chữ ký mẫu 1 <i>Specimen Signature 1</i> | Chữ ký mẫu 2 <i>Specimen Signature 2</i> | Nhóm chữ ký <i>Signing Group</i> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1.1 Người Đại Diện Theo Pháp Luật / Legal Representative(s) (áp dụng đối với tổ chức thành lập ở Việt Nam /applicable to Vietnam incorporated organizations) | | | |
| <p>Họ và Tên của Người Đại Diện Theo Pháp Luật <i>Full Name of Legal Representative:</i></p> <p>_____</p> <p>Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth:</i> _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i></p> <p>_____</p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i> _____</p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i> _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i></p> <p>_____</p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i> _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i> _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</i></p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i> _____</p> <p>_____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i></p> <p>_____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i> _____</p> <p>Họ và Tên của Người Đại Diện Theo Pháp Luật <i>Full Name of Legal Representative:</i></p> <p>_____</p> <p>Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth:</i> _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i></p> <p>_____</p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i> _____</p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i> _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i></p> <p>_____</p> | | | |

| | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i> _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i> _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status:</i> <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i> _____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i> _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i> _____</p> | | | |
| 1.2 Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán / Chief Accountant/ Person In Charge of Accounting | | | |
| <p>Họ và Tên của Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán /Full Name of Chief Accountant/ Person In Charge of Accounting: _____</p> <p>Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth:</i> _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i> _____</p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i> _____</p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i> _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i> _____</p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i> _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i> _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status:</i> <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i> _____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i> _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i> _____</p> <p>Bằng việc ký tên ở cột bên cạnh, Kế Toán Trưởng / Người Phụ Trách Kế Toán theo đây chỉ định những người được ủy quyền nêu tại Phần B, Mục 2.2 là đại diện theo ủy quyền của Kế Toán Trưởng / Người Phụ Trách Kế Toán để thực hiện các giao dịch quy định tại Phần A, Mục 2.2 của Ủy Nhiệm này. <i>By signing in the next column, Chief Accountant / Person In Charge of Accounting hereby appoints the authorised signatories listed in Part B, Item 2.2 to be his/her attorneys to conduct transactions as set forth in Part A, Item 2.2 hereof.</i></p> | | | |

| | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| 2.1 Tài Khoản / Account | | | |
| Danh sách Người Được Ủy Quyền của Chủ Tài Khoản cho Phần A, Mục 2.1: <i>List of Authorised Signatory appointed by Account Holder for Part A, Item 2.1:</i> | | | |
| 1. | _____ | | |
| 2. | _____ | | |
| 3. | _____ | | |
| 4. | _____ | | |
| 5. | _____ | | |
| 6. | _____ | | |
| 7. | _____ | | |
| 8. | _____ | | |
| 2.2 Thanh Toán Qua Tài Khoản / Payment Via Account | | | |
| Danh sách Người Được Ủy Quyền của Chủ Tài Khoản cho Phần A, Mục 2.2: <i>List of Authorised Signatory appointed by Account Holder for Part A, Item 2.2:</i> | | | |
| 1. | _____ | | |
| 2. | _____ | | |
| 3. | _____ | | |
| 4. | _____ | | |
| 5. | _____ | | |
| 6. | _____ | | |
| 7. | _____ | | |
| 8. | _____ | | |
| Danh sách người được ủy quyền của Kế Toán Trưởng/ Người Phụ Trách Kế Toán cho Phần A, Mục 2.2: <i>List of proxies appointed by Chief Accountant/ Person In Charge Of Accounting for Part A, Item 2.2:</i> | | | |
| 1. | _____ | | |
| 2. | _____ | | |
| 3. | _____ | | |
| 4. | _____ | | |
| 5. | _____ | | |
| 6. | _____ | | |
| 7. | _____ | | |
| 8. | _____ | | |
| 2.3 Hợp Đồng & Văn Bản Khác/ Agreements & Other Documents | | | |
| Danh sách Người Được Ủy Quyền cho Phần A, Mục 2.3 / List of Authorised Signatory for Part A, Item 2.3: | | | |
| 1. | _____ | | |
| 2. | _____ | | |
| 3. | _____ | | |
| 4. | _____ | | |
| 5. | _____ | | |
| 6. | _____ | | |
| 7. | _____ | | |
| 8. | _____ | | |
| 3. Thông tin chi tiết của Người Được Ủy Quyền / Details of Authorised Signatory | | | |
| 1. | Họ và Tên/Full Name: _____ Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth:</i> _____ Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i> _____ Ngày cấp: <i>Date of issue:</i> _____ Nơi cấp: <i>Place of issue:</i> _____ Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i> _____ Quốc tịch: <i>Nationality:</i> _____ Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i> _____ Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</i> | | |

| | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i></p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i></p> | | | |
| <p>2. Họ và Tên/<i>Full Name:</i></p> <p>Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth:</i></p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i></p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i></p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i></p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i></p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i></p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i></p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</i></p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i></p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i></p> | | | |
| <p>3. Họ và Tên/<i>Full Name:</i></p> <p>Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth:</i></p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i></p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i></p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i></p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i></p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i></p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i></p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</i></p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i></p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài</p> | | | |

| | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| <p>Permanent address in Vietnam / overseas : _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): Phone number (cell number encouraged): _____</p> | | | |
| <p>4. Họ và Tên/Full Name: _____</p> <p>Ngày tháng năm sinh: Date of birth: _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu Citizen card/ ID card or Passport No.: _____</p> <p>Ngày cấp: Date of issue: _____</p> <p>Nơi cấp: Place of issue: _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) Visa/ temporary resident card number (for foreigners only): _____</p> <p>Quốc tịch: Nationality: _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: Occupation, Title: _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại Residential address: _____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài Permanent address in Vietnam / overseas : _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): Phone number (cell number encouraged): _____</p> | | | |
| <p>5. Họ và Tên/Full Name: _____</p> <p>Ngày tháng năm sinh: Date of birth: _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu Citizen card/ ID card or Passport No.: _____</p> <p>Ngày cấp: Date of issue: _____</p> <p>Nơi cấp: Place of issue: _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) Visa/ temporary resident card number (for foreigners only): _____</p> <p>Quốc tịch: Nationality: _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: Occupation, Title: _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại Residential address: _____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài Permanent address in Vietnam / overseas : _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): Phone number (cell number encouraged): _____</p> | | | |

| | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| <p>6. Họ và Tên/Full Name: _____</p> <p>Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth:</i> _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i> _____</p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i> _____</p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i> _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i> _____</p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i> _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i> _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</i></p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i> _____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i> _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i> _____</p> | | | |
| <p>7. Họ và Tên/Full Name: _____</p> <p>Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth:</i> _____</p> <p>Số thẻ căn cước công dân/ CMND hoặc Hộ Chiếu <i>Citizen card/ ID card or Passport No.:</i> _____</p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue:</i> _____</p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue:</i> _____</p> <p>Số thị thực/ thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) <i>Visa/ temporary resident card number (for foreigners only):</i> _____</p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality:</i> _____</p> <p>Nghề nghiệp, chức vụ: <i>Occupation, Title:</i> _____</p> <p>Tình trạng cư trú : <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú <i>Residence status: <input type="checkbox"/> Resident <input type="checkbox"/> Non resident</i></p> <p>Địa chỉ nơi ở hiện tại <i>Residential address:</i> _____</p> <p>Địa chỉ đăng ký thường trú tại Việt Nam/ nước ngoài <i>Permanent address in Vietnam / overseas :</i> _____</p> <p>Số điện thoại (khuyến khích điền số di động): <i>Phone number (cell number encouraged):</i> _____</p> | | | |

Thay mặt và đại diện Công Ty (ký tên & đóng dấu) / For and on behalf of the Company (sign & seal)

Người Đại Diện Theo Pháp Luật hoặc Người Được Ủy Quyền / Legal Representative(s) or Authorised Person

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Người/ cấp có thẩm quyền khác (nếu áp dụng) / Other Authority (if applicable)

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

Họ & tên/ Full name:
Chức vụ/ Title:

This is a suggested form of wording only and does not constitute advice by HSBC to the Company, its officers or any other person. In particular, this wording does not take into account any provisions of the Company's constitutional documents. HSBC makes no representation that this Mandate comply with any applicable laws, regulations, or other restrictions applicable to the Company, its officers, or any other person.

Đây là biểu mẫu được đề nghị sử dụng bởi HSBC và không phải là tư vấn của HSBC cho Công Ty, nhân viên hoặc bất kỳ người nào khác của Công Ty. Đặc biệt các quy định trong biểu mẫu được soạn thảo không dựa vào các tài liệu thành lập của Công Ty. HSBC không đảm bảo rằng Ủy Nhiệm này tuân thủ luật, quy định hoặc các hạn chế khác áp dụng đối với Công Ty, nhân viên hoặc bất kỳ người nào khác của Công Ty.

Please review and amend your HSBC*net* user entitlements to be consistent with your account mandate. If you need any further support, please contact your Account Manager or Relationship Manager.

*Vui lòng kiểm tra và thay đổi phân quyền người dùng của HSBC*net* để phù hợp với ủy nhiệm điều hành tài khoản của Quý Khách. Nếu Quý Khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ Giám đốc Quan hệ Khách hàng hoặc Giám đốc Dịch vụ Khách hàng của HSBC.*